

KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009
HỌC VIỆN ÂM NHẠC HUẾ
*(các ngành sáng tác - lý luận,
 biểu diễn âm nhạc, sư phạm âm nhạc, nhã nhạc)*

1. NGÀNH SÁNG TÁC – LÝ LUẬN (MÃ NGÀNH 805)

SBD	Stt	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	C.NGÀNH	ĐIỂM VĂN	ĐIỂM KXÂ	ĐIỂM HOÀ ÂM	ĐIỂM PIANO	ĐIỂM CN	TỔNG ĐIỂM
00022	1	Nguyễn Văn	Bảo	nam	260489		1	Sáng tác	2	3.5	3	4	4.5	32
00056	2	Trần Việt	Cường	nam	201191		2NT	Sáng tác	3.25	0.25	0	0	0.25	.
00124	3	Hồ Trí	Hải	nam	150284		2NT	Lý luận	1	7.88	8.5	5	6.5	57
00142	4	Bùi Thị Ngọc	Hằng	nữ	20187		2	Sáng tác	1	6.25	9	5	7.75	57
00233	5	Hồ Thị	Khánh	nữ	200486		2	Lý luận	4.5	5.5	8	4	6	51.5
00240	6	Vũ Thị Bảo	Khuyên	nữ	121287		3	Lý luận	3.5	4.5	8	4	5.5	47.5
00346	7	Nguyễn Danh	Ngọc	nam	170782		2NT	Sáng tác	2	3	3	1	3.5	23
00361	8	Nguyễn Huy	Nhật	nam	150188		2	Sáng tác	4.5	4.5	7.5	4	7.5	51.5
00407	9	Phan Hữu	Phong	nam	280887		2NT	Sáng tác	3.5	5.5	8.5	5	7	55.5
00420	10	Nguyễn Văn	Phúc	nam	171287		1	Sáng tác	4	5	8	6	6	54
00484	11	Nguyễn Hùng	Tâm	nam	171179		1	Sáng tác	2.75	6	8	2	6.75	48.5
00500	12	Nguyễn	Thành	nam	230687	6	2	Sáng tác	4.75	3.75	8	4	6.25	49
00516	13	Đặng Bảo	Thăng	nam	80586		1	Sáng tác	3.75	5.5	8.5	4	6.75	53.5
00545	14	Trương Thị	Thùy	nữ	10384		2NT	Lý luận	2.75	3	5	2	5	33
00549	15	Nguyễn Văn	Thùy	nam	10185		1	Sáng tác	3	6.75	9	5	7.25	59
00571	16	Nguyễn Quốc	Toàn	nam	270588	6	2	Sáng tác	2.25	4	7	6	5.5	47.5
00610	17	Nguyễn Nhất	Trứ	nam	200587		2NT	Lý luận	3.75	3.25	5	5	5	40.5

Môn Văn hệ số 1, các môn còn lại hệ số 2

2. NGÀNH BIỂU DIỄN ÂM NHẠC (MÃ NGÀNH 806)

SBD	Stt	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	C.NGÀNH	ĐIỂM VĂN	ĐIỂM KXÃ	ĐIỂM CN	TỔNG ĐIỂM	Ghi chú
00001	1	Dương Ngọc	An	nam	140386		2	Đàn Bầu	2.25	4.5	5	21.5	
00002	2	Đỗ Thị Lan	Anh	nữ	300588		2	Thanh nhạc	3	0.25	3	9.5	
00003	3	Nguyễn Trường	Anh	nam	10187		2NT	Thanh nhạc	2.25	v	v	.	
00010	4	Phùng Thị Lan	Anh	nữ	40686		2	Đàn Tỳ	3.75	3.75	8	27.5	
00018	5	Phan Hoàng Thiên	Ân	nữ	150491		2	Piano	3	5	9	31	
00019	6	Nguyễn Vĩnh Từ	Ân	nam	80190		2NT	Guitare	2	0.5	2	7	
00041	7	Hoàng Văn	Cảnh	nam	220791		2	Sáo trúc	4.5	0.25	3	11	
00051	8	Văn	Chớ	nam	101090		1	Thanh nhạc	6	v	v	.	
00062	9	Lê Thị Thuý	Diễm	nữ	180191		3	Piano	5	0.5	1	8	
00088	10	Nguyễn Văn	Dương	nam	20191		2NT	Thanh nhạc	3	0	v	.	
00096	11	Trương Thắng Phương	Điện	nam	120687		2NT	Guitare	3	1.75	7.5	21.5	
00109	12	Dương Hồ	Giang	nam	160786		2	Đàn Nhị	2.5	5	v	.	
00110	13	Trần Thị Linh	Giang	nữ	60191		1	Thanh nhạc	6.25	0	1	.	
00117	14	Lê Thanh	Hà	nam	240390		2	Đàn Nhị	2.5	4	4	18.5	
00118	15	Trần Thị Hồng	Hà	nữ	31291		2NT	Thanh nhạc	5.5	2.75	1	13	
00150	16	Đoàn Mạnh	Hiếu	nam	131090		1	Sáo trúc	2.5	v	v	.	
00160	17	Trần Thị Thu	Hiền	nữ	130391		2	Thanh nhạc	5	0	1	.	
00175	18	Đặng Như	Hoàng	nam	290682		3	Thanh nhạc	3	2.5	7	22	
00177	19	Đặng Đại	Hóa	nam	250489		2NT	Thanh nhạc	3.5	v	v	.	

00183	20	Trần Nguyễn	Huệ	nam	240691		1	Thanh nhạc	4.75	v	v	.
00189	21	Nguyễn Quang	Huy	nam	20187		3	Piano	3.75	5.75	8.5	32.5
00193	22	Võ Thị	Huyền	nữ	10591		2NT	Thanh nhạc	5.5	0.5	1	8.5
00207	23	Nguyễn Thanh	Hùng	nam	220287	6	2	Đàn Nhị	1.5	2.75	9	25
00220	24	Mai Xuân	Hương	nam	220589		2	Guitare	3.75	0.25	v	.
00225	25	Đặng Thị	Hường	nữ	160189		2	Sáo trúc	4.25	4.25	9	31
00229	26	Lê Vi	Khanh	nữ	260891		2	Piano	5.25	7.38	9.25	38.5
00230	27	Nguyễn Quốc	Khanh	nam	280391		3	Thanh nhạc	3.5	0.63	1	7
00232	28	Trần Văn	Khánh	nam	130787		2NT	Thanh nhạc	2.5	5	8	28.5
00239	29	Nguyễn Đăng	Khoa	nam	240887		2	Thanh nhạc	4.5	2.5	8	25.5
00244	30	Hoàng Khắc Dạ	Kim	nam	200890		2NT	Thanh nhạc	3	0.5	1	6
00247	31	Y Ven	Ksor	nam	150188	1	1	Thanh nhạc	4	0.25	1	6.5
00268	32	Trương Thị Thùy	Linh	nữ	100691		2	Đàn tranh	2.5	4	6	22.5
00278	33	Nguyễn Thị	Loan	nữ	160886		2	Đàn tranh	2.75	2.75	7.5	23.5
00285	34	Nguyễn Châu	Long	nam	261091		2	Thanh nhạc	1.5	v	v	.
00308	35	Từ Minh	Mẫn	nam	50988		3	Thanh nhạc	2.75	4.75	7	26.5
00311	36	Trần Thị	Miên	nữ	20491		2NT	Thanh nhạc	7	2	3	17
00312	37	Bnướcch	Miêng	nam	90890	1	1	Sáo trúc	4	0.25	1	6.5
00328	38	Nguyễn Ngọc	Nam	nam	170891		2NT	Piano	2	v	v	.
00334	39	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	nữ	180990		2	Đàn tranh	1.5	6	9	31.5
00338	40	Nguyễn Thị	Ngà	nữ	50991		3	Thanh nhạc	4	v	v	.
00347	41	Đình Văn	Ngọc	nam	130887		2	Thanh nhạc	2	3.75	8	25.5
00354	42	Nguyễn Phong	Nhã	nam	270890		2	Thanh nhạc	0.5	v	v	.

00357	43	Đoàn Ngọc	Nhân	nam	40691		2	Piano	2	8.38	9.25	37.5	
00358	44	Nguyễn Hạnh	Nhân	nữ	150290		2	Đàn tranh	1.75	7.5	9	35	
00365	45	Đoàn Minh	Nhật	nam	150686		3	Thanh nhạc	2.5	3	7	22.5	
00372	46	Nguyễn Thị Thục	Nhi	nữ	240291	6	2	Thanh nhạc	2.75	0.5	1	6	
00378	47	Dương Hồng	Nhung	nữ	130889		2	Đàn Nhị	4	6.75	8.5	34.5	
00382	48	Hoàng Nguyễn Phương	Nhung	nữ	11089		2	Đàn Bầu	4.25	4.5	8	29.5	
00386	49	Lý Thị	Nhung	nữ	90986		1	Thanh nhạc	5.5	5	9	33.5	
00389	50	Nguyễn Tấn Anh	Nin	nam	190391		2NT	Thanh nhạc	2.25	0	1	.	
00394	51	Nguyễn Thị	Oanh	nữ	201187		2NT	Đàn Bầu	5.75	3.5	8	29	
00405	52	Lê Hoàng	Phong	nam	280389		2	Thanh nhạc	1.75	0.5	v	.	
00406	53	Phan Thanh	Phong	nam	230786		1	Oboe	3.5	3.75	8.5	28	
00408	54	Nguyễn Hữu	Phong	nam	200491		2	Piano	2	9	9.75	39.5	
00415	55	Lê Đức	Phú	nam	271188		2	Clarinette	5.5	7.5	9	38.5	
00423	56	Dương Minh	Phụng	nam	140889		1	Thanh nhạc	4.5	v	1	.	
00446	57	Trần Hữu Nhật	Quang	nam	250191		2	Piano	2.5	8.75	9.5	39	
00462	58	Tôn Nữ Phi	Quỳnh	nữ	80390		2	Đàn Tỳ	3	6	8.5	32	
00465	59	Trần Thị	Sang	nữ	180586		2NT	Thanh nhạc	4.5	4.75	9	32	
00467	60	Trần Đình Thiên	Sang	nam	281191		2NT	Piano	3	1.25	v	.	
00479	61	Nguyễn Hữu	Tài	nam	200587		1	Guitare	2.5	0.25	v	.	
00485	62	Lê Bá	Tâm	nam	50387		1	Thanh nhạc	1.5	v	v	.	
00506	63	Nguyễn Lê Cẩm	Thảo	nữ	10391		2NT	Violon	4.5	v	v	.	
00507	64	Hoàng Thị	Thảo	nữ	270890		2NT	Đàn Bầu	4.25	0.75	1	8	
00512	65	Nguyễn Thị	Thảo	nữ	81287		2NT	Thanh nhạc	3.75	1.25	2	10.5	
00518	66	Trương Văn Bảo	Thắng	nam	280989		2	Đàn Nhị	2.5	3.5	8.5	26.5	

00522	67	Trương Huỳnh Băng	Thi	nữ	171190		2	Đàn tranh	3	3	8.5	26	
00525	68	Nguyễn Công	Thiện	nam	200290		2NT	Guitare	2.25	v	v	.	
00529	69	Lê Đức	Thọ	nam	290884		1	Thanh nhạc	4.25	3	8	26.5	
00538	70	Lê Thị Hồng	Thuận	nữ	260190		2	Đàn Bầu	4.75	7.75	9	38.5	
00547	71	Nguyễn Phương	Thúy	nữ	150686		2NT	Thanh nhạc	5.5	5	8.5	32.5	
00552	72	Hoàng	Thủy	nam	251187		2	Clarinette	3	3.75	9	28.5	
00553	73	Dương Thị Thanh	Thủy	nữ	220289		2	Đàn tranh	2.25	2.75	8	24	
00554	74	Võ Thị Anh	Thư	nữ	290991		2	Thanh nhạc	4.25	0	1	.	
00558	75	Hoàng Thương	Thương	nữ	170690		2	Đàn Bầu	3.25	v	v	.	
00561	76	Nguyễn Đăng	Tiến	nam	221191		2	Thanh nhạc	4.25	0	1	.	
00565	77	Phạm Hoàng	Tín	nam	280385		2NT	Guitare	3.25	2.25	8.5	25	
00588	78	Lê Nữ Thùy	Trang	nữ	230183		2	Đàn tranh	5	6.25	5	27.5	
00598	79	Trần Thị Ngọc	Trinh	nữ	201091		3	Thanh nhạc	4	v	v	.	
00599	80	Nguyễn Hữu Thiện	Trí	nam	170591		2	Thanh nhạc	2.75	v	v	.	
00600	81	Võ Văn	Trí	nam	290991		2	Thanh nhạc	5.25	v	v	.	
00605	82	Lô Bảo	Trung	nam	290488	1	2	Thanh nhạc	3	6.5	6	28	
00606	83	Trần Nguyễn Ngọc	Trung	nam	61091		2	Đàn Bầu	4	4.63	9	31.5	
00607	84	Hồ Vĩnh	Trung	nam	201190		2NT	Thanh nhạc	4	v	2	.	
00618	85	Hoàng Văn	Tuấn	nam	190590		1	Thanh nhạc	3	1	2	9	
00620	86	Đình Anh	Tuấn	nam	250787		2	Thanh nhạc	1	3	2	11	
00622	87	Nguyễn Hà	Tuyên	nam	130684		2NT	Sáo trúc	3.5	3	8.5	26.5	
00623	88	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	nữ	40291		2	Đàn tranh	2.5	7	9	34.5	
00632	89	Hoàng Minh	Tùng	nam	310887		2	Sáo trúc	4.5	4	8	28.5	

00633	90	Tống Kim	Tùng	nam	250881		1	Thanh nhạc	4.5	3.5	7	25.5
00635	91	Mai Thị	Tu	nữ	140690		2	Đàn tranh	5.5	7.25	8.5	37
00636	92	Nguyễn Đức	Tứ	nam	250189		2NT	Guitare	2.75	4.25	5	21.5
00637	93	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	nữ	151289		2	Đàn Tam	3.5	6.75	8.5	34
00648	94	Lê Thị Cẩm	Vân	nữ	250790		2NT	Thanh nhạc	3.5	v	v	.
00660	95	Hoàng Quốc	Việt	nam	10687		2	Đàn Nguyệt	1	6.25	8.5	30.5
00666	96	Lê Thị	Vui	nữ	140890		2	Đàn tranh	4.5	4.5	9	31.5
00676	97	A Lăng	Xót	nam	140990	1	1	Piano	4.5	v	v	.
00685	98	Nguyễn Thị Bảo	Yến	nữ	121287		2NT	Thanh nhạc	4.5	5	8	30.5

Môn Văn hệ số 1, các môn còn lại hệ số 2

3. NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC (MÃ NGÀNH 807)

SBD	STT	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Đối tượng	Khu vực	ĐIỂM VĂN	ĐIỂM KXÁ	ĐIỂM NK	TỔNG ĐIỂM	Ghi chú
00004	1	Lê Văn	Anh	nam	60991		2NT	1.75	0.75	2.5	8.5	
00005	2	Nguyễn Thị Phương	Anh	nữ	221287		2	1.5	2.5	4.5	15.5	
00007	3	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	nữ	141290		2	2.25	1.25	4.5	14	
00008	4	Lê Thị Lâm	Anh	nữ	230388		1	2.25	2.5	2.5	12.5	HHT
00012	5	Nguyễn Thị	Ái	nữ	170690		1	3.75	1.75	3.75	15	
00013	6	Đào Thị Mỹ	Ái	nữ	60290		2	2.5	1.75	2.5	11	
00015	7	Phạm Nguyễn Kiều	Ánh	nữ	260389		2	2.75	1.25	4.25	14	
00020	8	Nguyễn Anh	Ba	nam	151090		1	3.5	2.75	5.75	20.5	
00030	9	Nguyễn Ngọc	Bích	nữ	41291		1	5.5	0.75	4.5	16	
00032	10	Lê Văn	Bình	nam	140890		1	1.5	2	4.25	14	

00033	11	Vũ Thái	Bình	nam	100888		1	2.5	1.25	3.25	11.5	
00036	12	Đinh Thị	Bùm	nữ	200390	1	1	4	0	v	.	
00039	13	Nguyễn Văn	Cảnh	nam	201183		2NT	3.25	4	4.75	21	
00040	14	Lê Công	Cảnh	nam	120190		2NT	5	2.25	3	15.5	
00042	15	Huỳnh Thị Phương	Cầm	nữ	240191		2NT	0.25	0.25	v	.	
00043	16	Trần Quốc	Căn	nam	20690	6	2NT	7	4.5	5.5	27	
00044	17	Võ Đại	Châu	nam	290387		1	3.5	3	5.25	20	
00045	18	Trần Lê Kim	Châu	nữ	140289		2	5	3.25	5.25	22	
00047	19	Nguyễn Thị	Châu	nữ	170791		2NT	4.75	0.25	2	9.5	
00048	20	Nguyễn Minh	Châu	nam	140487		2	4	2	6.25	20.5	
00050	21	Nguyễn Thị Phương	Chi	nữ	110690		2	6	3	5.5	23	
00053	22	Trần Văn	Công	nam	50691		2NT	2.5	1	2	8.5	
00059	23	Nguyễn Hữu	Danh	nam	190590		1	1	4	5	19	
00060	24	Nguyễn Lương	Danh	nam	201185		2NT	4	0.25	4.5	13.5	DDS
00064	25	Trần Thị	Diệp	nữ	50789	6	2NT	5.5	6.75	6	31	
00065	26	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	nữ	81091		2	5	3.9	5.75	24.3	
00066	27	Lê Văn	Duẩn	nam	151088		2NT	5	7.13	4	27.5	
00069	28	Trần Thị	Dung	nữ	40790		2NT	5.5	1	4	15.5	
00071	29	Bùi Thị Phương	Dung	nữ	100190		1	2	v	2.75	.	
00072	30	Hoàng Thị	Dung	nữ	150289		1	5	3	3.5	18	
00073	31	Phan Thị Thanh	Dung	nữ	120691		2NT	2	0.25	2	6.5	DDS
00075	32	Ngô Khương	Duy	nam	50187		2	4	8.25	6	32.5	
00078	33	Nguyễn Thị	Duyên	nữ	150991		2NT	4	0.25	v	.	
00079	34	Lê Thị Cẩm	Duyên	nữ	180389		2	5	1	4.25	15.5	
00080	35	Giang	Dũng	nam	180690		1	2.75	0.25	2	7.5	
00084	36	Hoàng Thị	Dương	nữ	151091		2NT	5.25	1.25	4	16	

00086	37	Hồ Thị Thùy	Dương	nữ	81191		1	4	0.25	2	8.5	DDS
00091	38	Trương Thị	Đào	nữ	70590		2	3	6.5	5.75	27.5	
00099	39	Nguyễn Văn	Đông	nam	101182		1	2.5	3.75	5.75	21.5	
00101	40	Hoàng Thị	Đường	nữ	40990		2NT	1.5	0.5	3.5	9.5	
00102	41	Cao Minh	Đường	nam	160187		2NT	3	7.25	6	29.5	
00103	42	Trần Công	Đức	nam	240389		2	2.75	6.88	3.75	24	
00106	43	Ngô Văn	Đức	nam	300383		2NT	1.5	4.5	4.5	19.5	
00107	44	Nguyễn Thị	Gái	nữ	111191		2NT	3.25	0.5	3.5	11.5	
00112	45	Hoàng Thị Thu	Hà	nữ	10189	1	1	3	0.25	2.5	8.5	
00114	46	Bùi Thị Thu	Hà	nữ	81290	6	2NT	3.75	1	3	12	
00115	47	Dương Thị	Hà	nữ	11286		1	1.5	7.38	5.75	28	
00122	48	Nguyễn Văn	Hài	nam	60689		1	3.25	3	3.5	16.5	
00125	49	Lâm Phi	Hài	nam	280490		2NT	3.75	0	1.75	.	
00126	50	Lê Thanh	Hài	nam	130682		2NT	3	6.38	4.25	24.5	
00127	51	Trương Thị	Hào	nữ	130391		1	3.75	0.25	1.25	7	
00131	52	Lê Thị Hồng	Hạnh	nữ	100691		3	5	0.25	2	9.5	
00136	53	Trần Đức	Hậu	nam	10689		2NT	3.5	v	2	.	
00143	54	Lê Thị	Hằng	nữ	161290		1	4.5	3.5	3.5	18.5	
00145	55	Nguyễn Trung	Hiếu	nam	260689		1	3.5	2.25	4.25	16.5	C38
00146	56	Nguyễn Trung	Hiếu	nam	201090	6	2NT	4.5	3.75	4.25	20.5	
00147	57	Võ Trọng	Hiếu	nam	140891		1	1	1.75	2.5	9.5	
00156	58	Phạm Hữu	Hiệu	nam	230990		2	3.25	3.25	6.5	23	
00158	59	Lê Thị	Hiền	nữ	201087		1	5	3.25	3.25	18	
00159	60	Phạm Thị Mỹ	Hiền	nữ	80988		2NT	4	5.5	5.5	26	
00161	61	Nguyễn Văn	Hiền	nam	100290		2NT	5.5	2.25	3.75	17.5	
00162	62	Phạm Thị Thu	Hiền	nữ	270988		2NT	5	4.25	4.75	23	

00164	63	Võ Văn	Hoá	nam	190991		1	5	6.75	6.25	31	
00165	64	Nguyễn Thị	Hoà	nữ	71087		2NT	4.25	2.5	3.5	16.5	
00168	65	Nguyễn Thị Thu	Hoài	nữ	150390		2NT	4.5	0.5	v	.	
00169	66	Trần Thị Thương	Hoài	nữ	21290		1	5	7.5	5.25	30.5	
00171	67	Nguyễn Nữ	Hoài	nữ	50290		1	6.5	7.38	4.5	30.5	
00179	68	Nguyễn Thị	Hòa	nữ	190887		2NT	5	4	4.75	22.5	
00180	69	Trần Xuân	Hòa	nam	250590		2NT	2	0.5	3	9	
00181	70	Võ Ngọc	Hồng	nam	200690		1	4	0.5	2.5	10	
00182	71	Nguyễn Thị	Hồng	nữ	100685		2NT	5.5	1	4.25	16	
00185	72	Đinh Thị	Huê	nữ	160685		1	5.25	0.5	2.75	12	
00191	73	Nguyễn Thị Tuyết	Huyền	nữ	201291		2	3.75	v	v	.	
00194	74	Hoàng Thị	Huyền	nữ	100291		1	3.25	0.63	2	8.5	
00195	75	Trần Thị Thanh	Huyền	nữ	260290		2NT	5.5	1.5	3	14.5	
00196	76	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	nữ	201091		2NT	4.75	1	2.5	12	
00197	77	Phạm Thị Thu	Huyền	nữ	81089		1	6	6	4.5	27	
00201	78	Đặng Thị Thu	Huyền	nữ	170186	6	2	5.5	3.5	4.75	22	
00203	79	Hoàng Quốc	Hùng	nam	181280		2	1	3.5	3.75	15.5	
00206	80	Nguyễn Mạnh	Hùng	nam	180991	4	2NT	1.5	0.5	v	.	
00208	81	Nguyễn Văn	Hùng	nam	150886		2NT	4.5	5.5	6.25	28	
00209	82	Hồ Thái	Hùng	nam	61291		1	6	0.75	1.25	10	
00211	83	Nguyễn Ngọc	Hưng	nam	111188		2	3.5	6.75	4	25	
00212	84	Trần	Hưng	nam	51088		1	4.5	0.5	3	11.5	
00214	85	Hồ Thị Diệu	Hương	nữ	150987		2	4.25	3.75	4	20	
00217	86	Võ Thị	Hương	nữ	170491		2NT	4	0.75	2.75	11	
00218	87	Nguyễn Thị Diễm	Hương	nữ	140883		2	5.25	1.5	3.25	15	
00223	88	Hoàng Thị Thu	Hường	nữ	270791		1	3.75	v	v	.	

00224	89	Nguyễn Thị Mai	Hường	nữ	40990		2	5.5	4	4.75	23	
00231	90	Lê Quang	Khánh	nam	120189		2NT	3	7.5	5.5	29	
00234	91	Hoàng Thị Mỹ	Khánh	nữ	101291		2	5.5	6.75	5	29	
00236	92	Trần Duy	Khánh	nam	10188		2NT	1	v	v	.	
00237	93	Siu	Khoa	nam	240588	1	1	3.5	0.5	7.25	19	C38
00238	94	Lê Anh	Khoa	nam	60391		3	2	0.75	2	7.5	
00246	95	Võ Thị	Kiều	nữ	121188		2NT	3.5	7.88	5.25	30	
00248	96	Nguyễn Minh	Lai	nam	240387		2NT	2.5	4.25	2.75	16.5	
00249	97	Nguyễn Thạch	Lam	nam	180691		1	5	2.5	4.75	19.5	
00250	98	Võ Thị	Lan	nữ	120691	6	2NT	4.5	5.25	3	21	
00252	99	Trịnh Thị Ngọc	Lan	nữ	280489		2NT	5	4.5	4	22	
00253	100	Hồ Thị Diễm	Lan	nữ	130280		2	6.5	4.75	4.75	25.5	
00254	101	Nguyễn Thị Tô	Lan	nữ	210590		2	1.75	1.5	5	15	
00261	102	Nguyễn Thị	Lê	nữ	20290		2NT	3.5	0.5	0.5	5.5	HHT
00263	103	Đặng Thị	Lệ	nữ	111090		1	4.5	0.75	3	12	
00265	104	Nguyễn Thị	Liên	nữ	190588		2NT	5.5	0.5	2.5	11.5	
00266	105	Trương Thị	Liên	nữ	200688		2	6.5	5	4	24.5	
00267	106	La Thị	Liễu	nữ	31090		2	5.25	8.38	5	32	
00270	107	Phan Thị ý	Linh	nữ	80491		2	2.5	6	5.75	26	
00271	108	Phan Thị Mỹ	Linh	nữ	251091		1	3	v	v	.	
00274	109	Phạm Chí	LÍP	nam	150191		2NT	3.5	0.5	4	12.5	
00276	110	Võ Thị	Loan	nữ	281290		2NT	5	0.5	2.5	11	
00277	111	Vũ Thị Kiều	Loan	nữ	101288		3	4	3	5.75	21.5	DDS
00279	112	Hồ Văn	Loài	nam	150584	1	1	1.5	v	2	.	
00281	113	Trần Văn	Long	nam	10291		2NT	4	2.5	1.75	12.5	
00283	114	Nguyễn Đình	Long	nam	50687		1	3.25	0.25	2.5	9	

00286	115	Trương Thị Hoàng	Lộc	nữ	140191		2NT	3.5	0	v	.	DDS
00287	116	Hoàng Thị	Lợi	nữ	200491		1	5.25	1.5	4	16.5	
00289	117	Thái Thị	Luyên	nữ	101089		2	3	4	4.75	20.5	
00294	118	Nguyễn Thị Khánh	Ly	nữ	81289		2NT	4.5	3.25	4.25	19.5	
00295	119	Lê Thị Mai	Ly	nữ	120891		2NT	3.5	3.25	4.5	19	
00299	120	Ngô Thị Phương	Mai	nữ	80791		2NT	3	3	1	11	
00304	121	Hoàng Văn	Mão	nam	120686		2NT	4.5	2.5	5	19.5	
00306	122	Nguyễn Văn	Mạnh	nam	241087		2NT	4.5	3.5	5	21.5	
00309	123	Nguyễn Thị	Mến	nữ	200688		2	3.75	2.25	4.5	17.5	
00310	124	Bríu Thị	Nét	nữ	121290	1	1	3	0	v	.	
00314	125	Đặng Thị ánh	Minh	nữ	121091		2NT	4.5	0	v	.	
00315	126	Nguyễn Văn	Minh	nam	151181		1	2	1.25	4.25	13	
00319	127	Nguyễn Thị Hà	My	nữ	30891		2NT	4.5	0	3	.	
00321	128	Lê Văn	Mỹ	nam	20989		2	5	0.75	4.75	16	
00322	129	Huỳnh Thị	Mỹ	nữ	230489		2NT	4.5	1	3.5	13.5	
00323	130	Trần Thị	Mỹ	nữ	50791		2NT	7	1.25	4.5	18.5	
00326	131	Trần Văn	Nam	nam	60489		2NT	3.25	2.5	4.5	17.5	
00327	132	Nguyễn Văn	Nam	nam	100788		1	2.5	1	4.75	14	
00329	133	Lê Hải	Nam	nam	10790		2NT	3	3.5	4.5	19	
00330	134	Trương Thị Bé	Năm	nữ	120490		2NT	3	2.5	4	16	
00332	135	Nguyễn Thị	Nga	nữ	250890		1	4.5	2.75	4.5	19	
00340	136	Nguyễn Việt	Ngọc	nam	40487		2NT	4.75	2	4.25	17.5	
00342	137	Nguyễn Thị Như	Ngọc	nữ	140591		2NT	2.5	0	4	.	DDS
00343	138	Nguyễn Thị Như	Ngọc	nữ	31191		2	2	0	v	.	
00348	139	Bùi Thị Thanh	Nha	nữ	80690		2NT	3	2	5.25	17.5	
00350	140	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	nữ	10390		2	6.75	5	5.75	28.5	

00351	141	Lưu Thị	Nhàn	nữ	210984		1	4.5	3.5	3.5	18.5	
00352	142	Trần Thị Thanh	Nhàn	nữ	90790		1	4.75	6.5	4.75	27.5	
00353	143	Nguyễn Thanh	Nhàn	nữ	40287		2	3	6.5	5.75	27.5	
00356	144	Nguyễn Văn	Nhân	nam	50388		1	4.5	3.25	5.75	22.5	
00360	145	Lê Văn	Nhất	nam	90189		1	5.25	4.25	5.5	25	
00366	146	Trương Thị Quỳnh	Nhi	nữ	230490		1	4.5	2	4	16.5	
00369	147	Trần Thị ý	Nhi	nữ	120288		2	5.25	1.75	3.5	16	
00370	148	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	nữ	230991		2	5	0.25	3.5	12.5	
00371	149	Nguyễn Thị Thùy	Nhi	nữ	270490		2NT	4.5	5.5	4.75	25	
00374	150	Trần Thị Hồng	Nhi	nữ	270288		1	4.75	5.25	5	25.5	
00375	151	Hồ Thị	Nhi	nữ	21191		1	6	0	v	.	DDS
00377	152	Nguyễn Ngọc	Nhung	nữ	210391		2	3.5	0.25	v	.	
00383	153	Nguyễn Thị	Nhung	nữ	10191		1	6	0	v	.	
00384	154	Nguyễn Thị	Nhung	nữ	180790		2NT	4	0.25	3.25	11	
00385	155	Bùi Thị Cẩm	Nhung	nữ	101189		1	3	3	4.5	18	
00393	156	Đoàn Thị Quỳnh	Ny	nữ	90491		2	4	6	5	26	
00395	157	Trần Thị Kim	Oanh	nữ	31091		2NT	5.75	2	3.5	17	
00396	158	Tôn Nữ Hoàng	Oanh	nữ	51189		2	3.5	5	4.75	23	
00399	159	Lê Hồng	Pháp	nam	10887		2NT	4.75	1.25	3.5	14.5	
00400	160	Trần Vũ	Pháp	nam	170786		2NT	2.5	5.5	4.5	22.5	
00401	161	Lê Thị	Phấn	nữ	150190		2NT	4.5	0.75	3	12	
00403	162	Phan Đình	Phi	nam	250291		1	3.25	v	v	.	
00411	163	Lê Văn	Phú	nam	200385		1	4	7	5.75	29.5	
00412	164	Lê Quốc	Phú	nam	220590		2	4	6.5	6.25	29.5	
00414	165	Phạm Thanh	Phú	nam	100190		2	4.5	3.25	5.75	22.5	
00417	166	Lê Văn	Phúc	nam	201190		2NT	3	0.25	2	7.5	

00418	167	Trần Lương	Phúc	nam	10689		2	3.5	2.75	4	17	
00419	168	Lê Trọng	Phúc	nam	200690		1	4	3.5	3.5	18	
00422	169	Lê Thị Hồng	Phúc	nữ	210591		2NT	5	0.25	1.25	8	DDS
00424	170	Nguyễn Thị	Phụng	nữ	140488		1	3.25	7.25	5.75	29.5	
00428	171	Nguyễn Thị	Phương	nữ	100287	6	1	5.5	7	4.75	29	
00430	172	Lê Thị Hà	Phương	nữ	120590		1	2.75	4.5	4.5	21	
00432	173	Trần Lệ	Phương	nữ	40590		2NT	5	4.75	3.5	21.5	
00433	174	Nguyễn Thị	Phương	nữ	280691		2NT	5	0.25	3	11.5	
00434	175	Trần Huy	Phương	nam	20788		2NT	3	2.25	4.5	16.5	
00435	176	Hoàng Thị Lan	Phương	nữ	10190		2NT	4	0.25	2.25	9	
00436	177	Nguyễn Hoài	Phương	nam	50591		2NT	5	v	v	.	
00439	178	Ngô Thị Mỹ	Phước	nữ	51089		1	2.5	3.5	4	17.5	
00442	179	Võ Đại	Quang	nam	40391		1	4	0	v	.	
00445	180	Đặng Anh	Quang	nam	270690		3	2.5	0	v	.	
00448	181	Phan Bá	Quãng	nam	251091		2NT	6.5	0.25	4.75	16.5	
00449	182	Hoàng Trung	Quân	nam	50890		1	6	6	4	26	
00451	183	Nguyễn Văn	Quốc	nam	60790		2NT	3.5	0.25	2.5	9	
00455	184	Trần Thị	Quyên	nữ	20390		2NT	5	0.25	v	.	
00457	185	Nguyễn Văn	Quyết	nam	180187		1	4.75	0.25	2.25	10	HHT
00461	186	Nguyễn Thị	Quỳnh	nữ	250690		2NT	3	2	3	13	
00463	187	Hồ Thị My	Sa	nữ	280589		1	3.75	5.25	5.5	25.5	
00464	188	Nguyễn Thị	Sa	nữ	200789		1	4	3.25	4.25	19	HHT
00466	189	Nguyễn Hữu	Sang	nam	110688		1	2.75	0.25	3.25	10	
00468	190	Nguyễn Văn	Sen	nam	100891		2NT	3.5	1.25	2.5	11	
00469	191	Kpã	SiMôn	nam	161291	1	1	3.5	0	3.5	.	C38
00470	192	Đặng Ngọc	Sơn	nam	260590		2NT	4	6.25	5	26.5	

00471	193	Hồ Minh	Sơn	nam	80980		2	3.5	5.38	4.5	23.5	
00476	194	Nguyễn Đức	Tám	nam	60685		2NT	2.5	0.25	4.5	12	
00480	195	Ngô Thị Thanh	Tâm	nữ	101191		2	4.75	7.75	6.5	33.5	
00487	196	Hoàng Thị Thanh	Tâm	nữ	150390		1	6	5.13	5.25	27	
00488	197	Nguyễn Anh	Tâm	nữ	250189		1	6	1.75	4.5	18.5	
00489	198	Trần Thị Minh	Tâm	nữ	130391		2NT	3	2	5	17	
00493	199	Nguyễn Đắc Nhật	Tân	nam	170291		1	5.5	4.63	4.5	24	
00496	200	Trần Đình	Thanh	nam	241091		2NT	3.5	0	1	.	
00502	201	Nguyễn Xuân	Thành	nam	270587		2NT	2	v	v	.	
00503	202	Trương Viết	Thành	nam	150591		2NT	3	0.25	1.5	6.5	
00504	203	Nguyễn Văn	Thành	nam	201191		1	3.5	0.25	2	8	
00508	204	Nguyễn Thị Hương	Thảo	nữ	120190		2NT	3.5	6.75	4.5	26	
00510	205	Nguyễn Thu	Thảo	nữ	141191		1	3	5.38	4.75	23.5	
00514	206	Nguyễn Thị Nhật	Thảo	nữ	270991	6	3	3.75	0	2.5	.	
00517	207	Dương Quyết	Thắng	nam	280988		1	3	1.5	3.75	13.5	
00520	208	Dương Thị	Thế	nữ	200590		2NT	3.25	0	v	.	
00521	209	Lê Đài Trang	Thi	nữ	260891		2NT	3.5	0	1.25	.	DDS
00523	210	Dương Thị	Thiêm	nữ	130691		2NT	4.5	v	v	.	HHT
00524	211	Tạ Thị Thanh	Thiên	nữ	260891		2NT	5.5	0.25	v	.	
00527	212	Đặng Phúc	Thịnh	nam	40391		2	4.25	3.88	3.25	18.5	
00528	213	Ngô Thị Diễm	Thoan	nữ	30490		3	4.5	7.38	4.75	29	
00530	214	Phan Thị Hồng	Thôi	nữ	150291		2NT	0.5	v	v	.	
00535	215	Nguyễn Thị Lệ	Thu	nữ	150591		2NT	4.25	0	2.25	.	
00543	216	Trần Thị	Thúy	nữ	200190		2NT	3	0.75	4.25	13	
00544	217	Nguyễn Thị Như	Thùy	nữ	210990	4	2	3	0.25	4	11.5	DDS
00548	218	Huỳnh Thị Thu	Thúy	nữ	230391		1	2	0	v	.	

00550	219	Nguyễn Thị Bích	Thủy	nữ	20889		1	6	0.75	4	15.5	
00551	220	Lê Thị Bích	Thủy	nữ	10188		2	2	3.25	5	18.5	
00555	221	Trương Văn	Thừa	nam	10390		1	2.5	v	v	.	
00564	222	Phạm Quang	Tín	nam	270190		2NT	2	1.75	4.5	14.5	
00566	223	Vũ Thúy	Tinh	nữ	50790		2NT	3.25	0.75	5	15	
00567	224	Hoàng Văn	Tinh	nam	20889		2	4.25	5.5	4.75	25	
00568	225	Hồ Thị Minh	Tị	nữ	20889		1	4.25	1.25	5.25	17.5	
00570	226	Võ Thị	Toàn	nữ	10891		2	2.25	1	4.75	14	
00574	227	Phan Minh	Trang	nữ	200991		2NT	2.5	0	1.5	.	HHT
00575	228	Nguyễn Thị Phương	Trang	nữ	20891		3	4.5	0.5	1.5	8.5	DDS
00581	229	Trương Thị Minh	Trang	nữ	140291		2	3.5	0	1.75	.	
00583	230	Dương Thị Thuý	Trang	nữ	130891		1	2.5	v	v	.	
00584	231	Trần Thị Thùy	Trang	nữ	280887		2	3.25	0.25	2.25	8.5	
00592	232	Trần Nhã	Trang	nữ	190789		2	2.5	3.5	5	19.5	
00593	233	Lê Văn	Trà	nam	160490		2NT	2.75	5	4.25	21.5	
00594	234	Trương Thị Bích	Trâm	nữ	40591		2NT	5	0	3.25	.	DDS
00596	235	Tống Thị Huyền	Trâm	nữ	200490		2NT	3.5	1.75	2.5	12	
00597	236	Tôn Nữ Khánh	Trân	nữ	120890		2	4.75	5.5	4.75	25.5	
00601	237	Đỗ Viết	Trí	nam	160190		2NT	2.25	0	v	.	
00604	238	Phan Cảnh	Trung	nam	120191		3	2.5	0	3.5	.	
00611	239	Nguyễn Hoàng	Tuân	nam	290691		1	2.75	1.5	3.5	13	
00612	240	Trần Đình	Tuân	nam	140989		1	3.5	3.25	4.75	19.5	
00614	241	Nguyễn Văn	Tuân	nam	250290		2	2.25	0.5	5	13.5	
00621	242	Trần Minh	Tuyên	nam	251084		2NT	2.5	4	5.25	21	
00624	243	Nguyễn Thị Phương	Tuyết	nữ	251090		2NT	1	0.5	1.5	5	
00627	244	Trần Thị Minh	Tuyền	nữ	91189		2	2.25	4	4.75	20	

00631	245	Nguyễn Văn	Tùng	nam	170788		2	2	0.5	5.5	14	
00638	246	Phan Thị Cẩm	Vân	nữ	210991		3	5	0.5	v	.	
00639	247	Lê Thị	Vân	nữ	100391		2NT	5.5	0	v	.	DDS
00641	248	Trương Thị ái	Vân	nữ	260890		2NT	5	0	v	.	
00643	249	Nguyễn Thị Thanh	Vân	nữ	30890		1	5.5	3.5	4.5	21.5	
00644	250	Nguyễn Thị	Vân	nữ	240490		2	2	0.75	3.5	10.5	
00646	251	Lê Thị Tuyết	Vân	nữ	10490		2	2.75	4	4	19	
00647	252	Thái Thị	Vân	nữ	41287		2NT	3	4.25	4.25	20	
00650	253	Lưu Đỗ Anh	Văn	nam	131288		2	5.25	3.25	4	20	
00651	254	Trần Đình	Văn	nam	40691		2NT	2	1.25	3	10.5	HHT
00654	255	Nguyễn ánh	Vi	nữ	120190		1	4.75	3.5	5.5	23	
00656	256	Phan Hoàng	Việt	nam	10185		2	2.5	2.5	5.25	18	
00658	257	Trương Quốc	Việt	nam	10190		2	2.5	0	2	.	
00665	258	Phan Quang	Vinh	nam	10191		2NT	2.5	0.5	3.75	11	
00671	259	Ngô Thị Tường	Vy	nữ	160689		3	4.5	4.5	5	23.5	
00672	260	Nguyễn Trần Bảo	Vy	nữ	300591		2	4	0.75	2.25	10	
00673	261	Trần Phương	Vỹ	nam	150389		2NT	2.5	6.5	4.75	25	
00675	262	Nguyễn Thị Mỹ	Xinh	nữ	301286		2NT	2.5	7.25	4.5	26	
00677	263	Trần Thanh	Xuân	nam	30290		1	4	6.5	6.25	29.5	
00680	264	Hà Thị Thanh	Xuân	nữ	151291		2	6.5	9	5	34.5	
00681	265	Trần Thị Lệ	Xuân	nữ	210590		1	5	5	6	27	
00684	266	Trần Thị Kim	Yến	nữ	10691		2NT	5.75	7.25	4.25	29	
00686	267	Đinh Thị Cẩm	Yến	nữ	11187		2	5.25	2.25	5	20	
00687	268	Đặng Thị Hải	Yến	nữ	71289		2	5.5	5	4	23.5	
00688	269	Trần Thị Hải	Yến	nữ	90488		1	5.5	0	1.5	.	DDS
00689	270	Phạm Thị Mỹ	Yến	nữ	50990		2NT	5	v	v	.	

00692	271	Hoàng Thị Như Ý	nữ	110190	1	2.75	3.5	3.25	16.5
-------	-----	-----------------	----	--------	---	------	-----	------	------

Môn Văn hệ số 1, các môn còn lại hệ số 2

**** Thí sinh dự thi để lấy kết quả xét tuyển học tại các trường khác có ký hiệu HHT, DDS, C38 ở cột ghi chú**

4. NGÀNH NHÃ NHẠC (MÃ NGÀNH 808)

SBD	Stt	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	ĐT	KV	C.NGÀNH	ĐIỂM VĂN	ĐIỂM KXÁ	ĐIỂM CN	TỔNG ĐIỂM	TỔNG ĐIỂM
00085	1	Lê Thị Thùy	Dương	nữ	31090		2	Đàn Ca Huế	3.75	6	9	33.75	34
00149	2	Trương Lê Minh	Hiếu	nữ	241190		2	Nhã nhạc	1	3	9	25	25
00187	3	Trần Phước	Huy	nam	181090		2NT	Nhã nhạc	3.25	3.5	8.5	27.25	27.5
00344	4	Lê Thị Mỹ	Ngọc	nữ	291184		3	Nhã nhạc	2.75	2.75	6	20.25	20.5
00431	5	Nguyễn Thị Thỳ	Phương	nữ	60183		2	Đàn Ca Huế	3.5	6	8	31.5	31.5
00497	6	Hà Thị Phương	Thanh	nữ	260691		2	Đàn Ca Huế	2.75	6.5	9	33.75	34
00539	7	Hoàng Thị Bảo	Thuận	nữ	130889		2	Nhã nhạc	1	3.75	8.5	25.5	25.5
00589	8	Nguyễn Thị	Trang	nữ	171190		2	Đàn Ca Huế	3	8	9	37	37
00645	9	Phan Thị Tuyết	Vân	nữ	100491		2	Nhã nhạc	4.5	0	v	.	.

Môn Văn hệ số 1, các môn còn lại hệ số 2